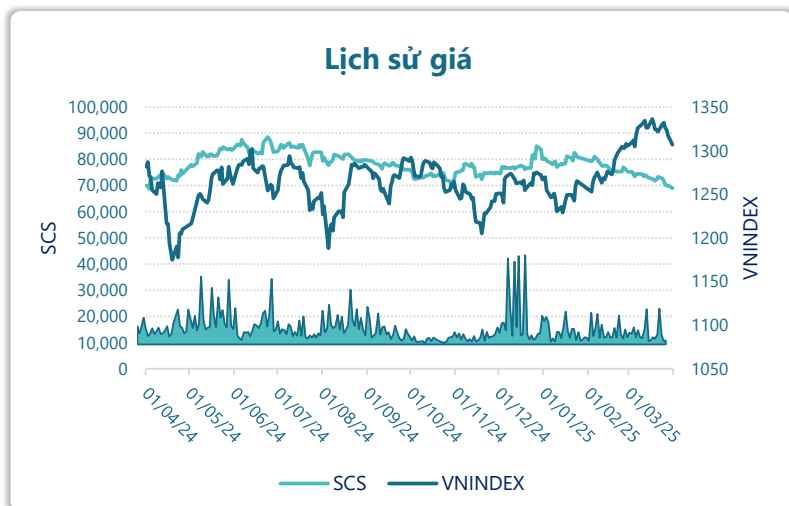


CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (HSX: SCS)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	69,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	88,537
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	68,724
SL cổ phiếu LH	102,076,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)	268,910
% sở hữu nước ngoài	16.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,043
P/E	9.8
EPS	7,009

DT thuần
Q1/25

266

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.0| -9.4%

YoY: ▲ 53.0| 25.0%

LN sau thuế
Q1/25

170

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 23.0| 15.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

75.5%

+/- YoY: ▼ 5.2%

DT thuần
2024

1,037

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 332| 47.1%

LN sau thuế
2024

693

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 195| 39.0%

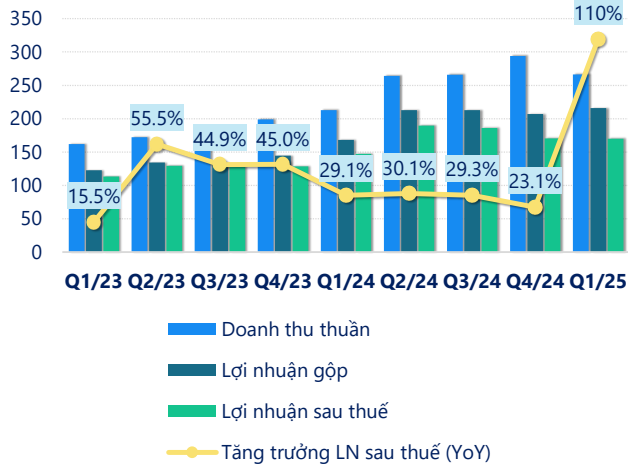
ROE
2024

50.5%

+/- YoY: ▲ 14.5%

tỷ VNĐ

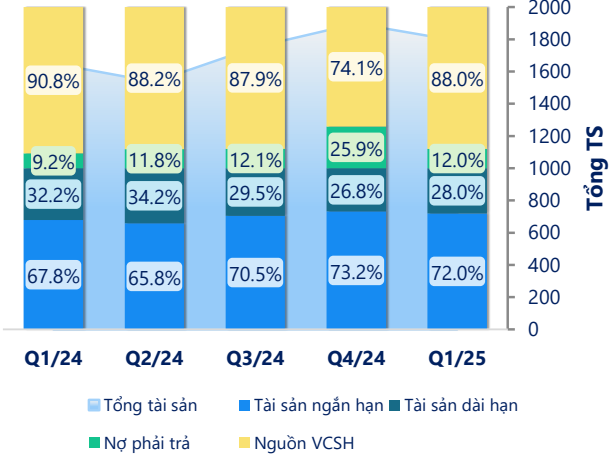
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

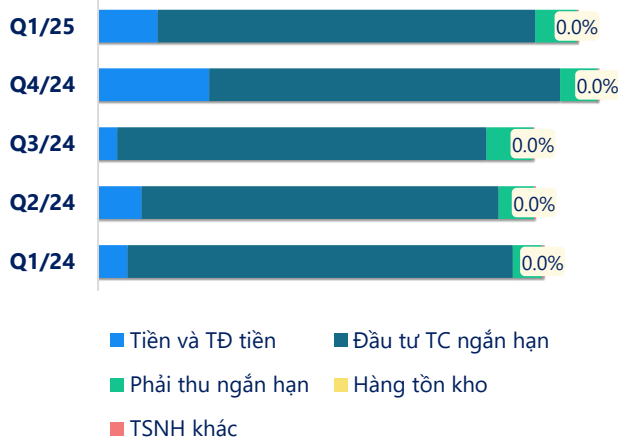
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



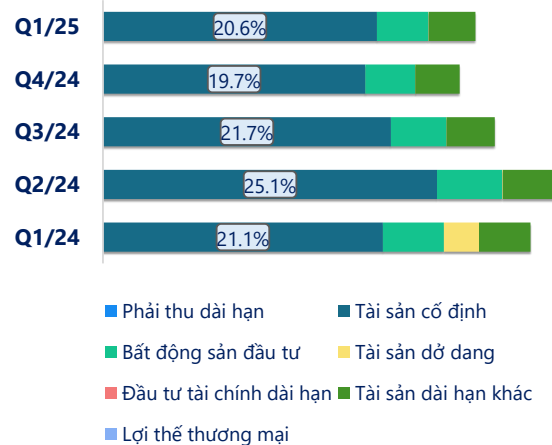
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

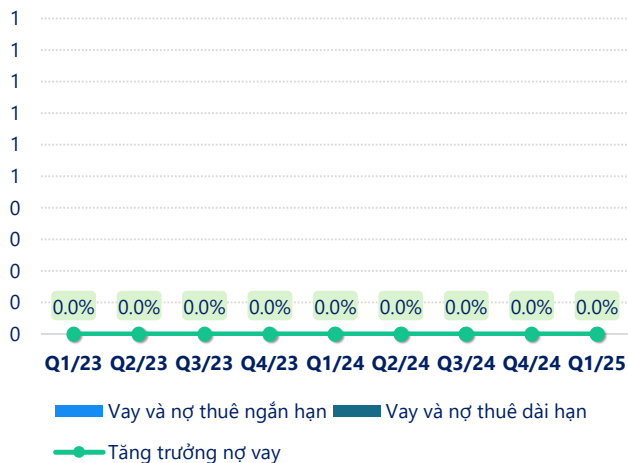
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

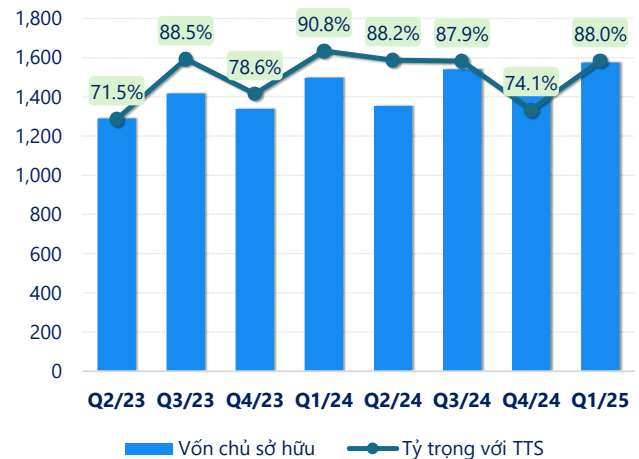
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

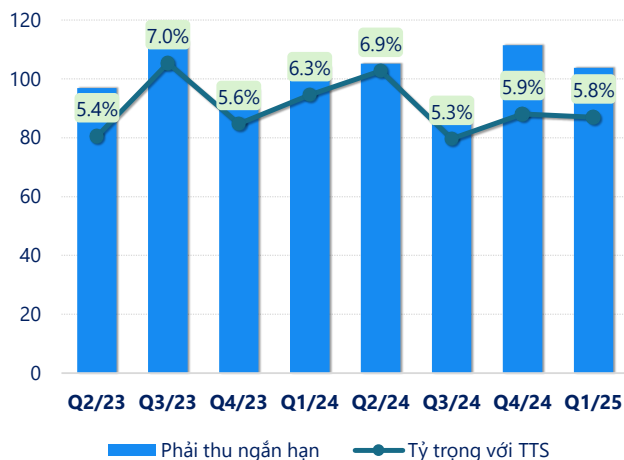
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



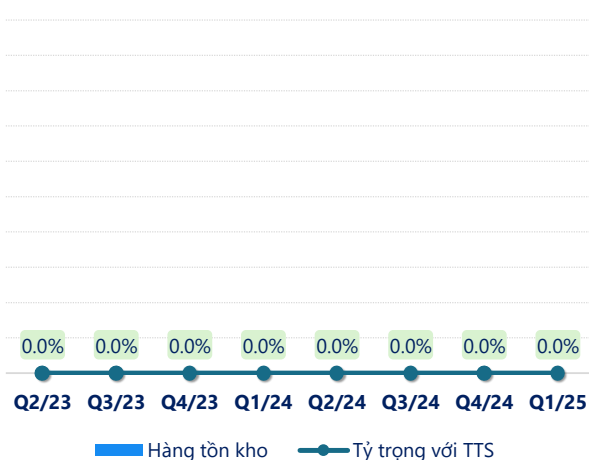
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


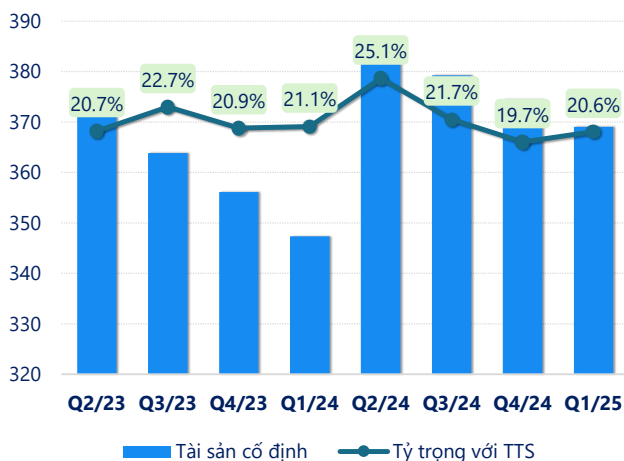
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


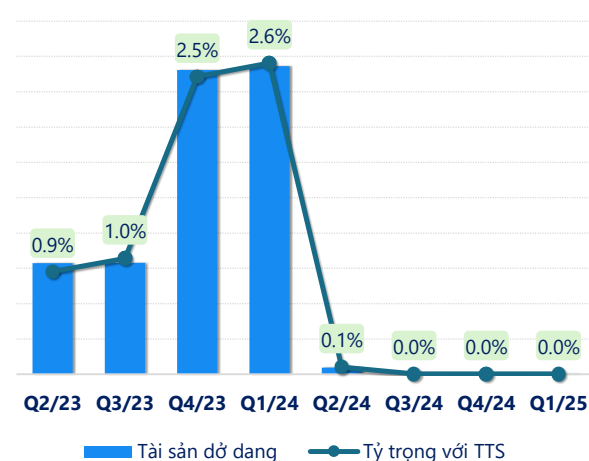
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

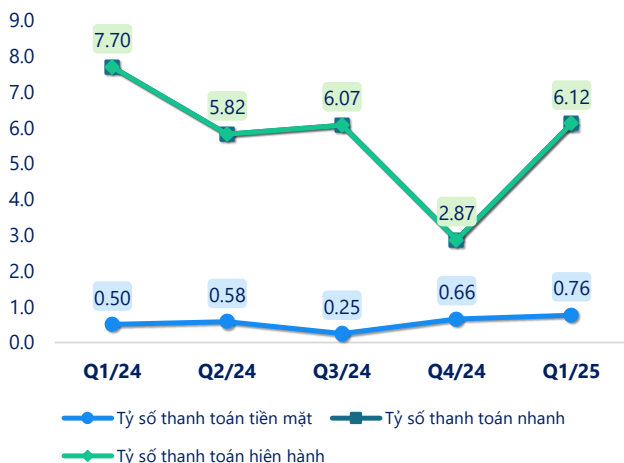
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

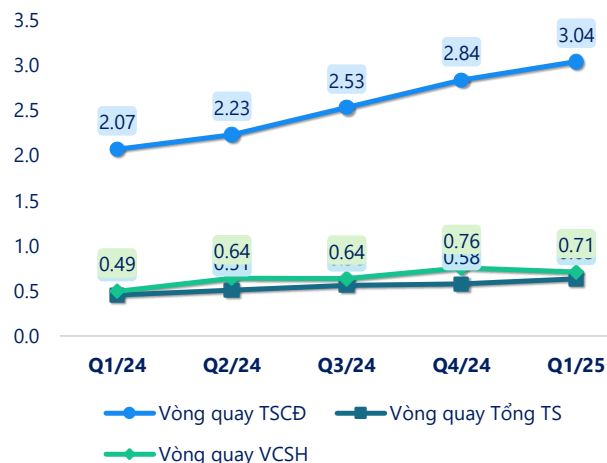
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,650	1,535	1,751	1,898	1,791
Tài sản ngắn hạn	1,119	1,009	1,235	1,388	1,289
Tiền và tương đương tiền	73.4	100	50.9	317	161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	937	797	1,084	954	1,019
Phải thu ngắn hạn	104	105	93.0	111	104
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	4.89	6.82	6.99	5.65	5.80
Tài sản dài hạn	530	525	516	509	502
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Tài sản cố định	347	386	379	374	369
Bất động sản đầu tư	75.7	75.0	73.2	71.4	69.6
Tài sản dở dang	43.6	0.95	0.06	0.06	0.06
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	63.7	63.6	63.5	63.2	63.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	152	181	211	492	215
Nợ ngắn hạn	145	173	203	484	211
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.01	4.38	6.71	5.83	7.50
Nợ dài hạn	6.42	7.65	8.17	7.87	4.59
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,498	1,354	1,539	1,406	1,576
Vốn chủ sở hữu	1,498	1,354	1,539	1,406	1,576
Vốn điều lệ	1,021	1,021	1,021	1,021	1,021
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)